

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-9-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Quang Nghĩa.**
2. Ông Lữ Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 621/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quỳnh M, sinh năm: 1996. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Kế toán.
Dân tộc: Kinh.

2. Bị đơn: Anh Mai Quốc B, sinh năm: 1995. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Tài xế.
Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-8-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Quỳnh M trình bày:

Chị và anh Mai Quốc B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, trong cuộc sống anh Mai Quốc B không tôn trọng chị, nhiều lần đánh

chị, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, phần ai người ấy sống, không còn quan tâm nhau, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4-2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh [Mai Quốc B](#).

Về con chung: Chị và anh [Mai Quốc B](#) có 02 người con chung tên: [Mai Quỳnh Bảo A](#), sinh ngày 14-9-2017 và [Mai Quốc H](#), sinh ngày 11-3-2021. Khi ly hôn, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, không yêu cầu anh [Mai Quốc B](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh [Mai Quốc B](#) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị [Phạm Thị Quỳnh M](#). Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Nay chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh là con chiên đạo Thiên chúa giáo, nên không được ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) anh đồng ý giao 02 người con chung cho chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh [Mai Quốc B](#). Như vậy, chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) là nguyên đơn, anh [Mai Quốc B](#) là bị đơn; anh [Mai Quốc B](#) có nơi thường trú tại [ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#), như vậy Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#).

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2016, ngày 20-9-2016 Ủy ban nhân dân xã [X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#), cấp cho chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) thống nhất: Vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh [Mai Quốc B](#) thiếu trách nhiệm với gia đình, không yêu thương vợ con, hay mắng chửi chị [M](#). Anh chị không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 đến nay, trong

thời gian qua anh chị không gặp nhau giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng cùng nhau chung sống; anh [Mai Quốc B](#) không đồng ý ly hôn vì lý do anh là con chiên [Đạo Thiên Chúa G](#), chứ không phải là còn yêu thương vợ con cố gắng khắc phục khuyết điểm để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh [Mai Quốc B](#) và chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) được ly hôn với anh [Mai Quốc B](#) là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) thống nhất vợ chồng có 02 người con chung tên: [Mai Quỳnh Bảo A](#), sinh ngày 14-9-2017 và [Mai Quốc H](#), sinh ngày 11-3-2021, sau khi ly hôn chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung. Thời gian qua chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) chăm sóc các con đảm bảo, anh [Mai Quốc B](#) làm nghề tài xế, thường vắng nhà, nên sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận.

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) không yêu cầu anh [Mai Quốc B](#) cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[6] *Về tài sản:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[7] *Về nợ chung:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) thống nhất không có, nên không xét.

[8] *Về án phí:*

Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó không có lời phát biểu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#).

2. Về nuôi con chung: Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên: [Mai Quỳnh Bảo A](#), sinh ngày 14-9-2017 và [Mai Quốc H](#),

sinh ngày 11-3-2021 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) và anh [Mai Quốc B](#) có yêu cầu khác.

Tạm thời anh [Mai Quốc B](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh [Mai Quốc B](#) được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) phải nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị [Phạm Thị Quỳnh M](#) nộp theo Biên lai thu tiền số **0008278** ngày **22-8-2023**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND. xã Xuân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng